

MỤC LỤC - CONTENTS

- 4 Đinh Thị Oanh:** Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường - Safeguarding the Party's ideological foundation on climate change response and environmental protection.
- 9 Phạm Xuân Định:** Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - The question of class and class struggle in the Communist Party Manifesto.
- 14 Phạm Văn Lưỡng - Nguyễn Thanh Tùng:** Bảo vệ quyền con người trên không gian mạng nhìn từ vai trò của thanh niên hiện nay - Protecting human rights in cyberspace seen from the role of youth today.
- 19 Đặng Thị Thu Hiền:** Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non theo tiếp cận phát triển năng lực - Organizing experiential activities for preschool children based on a competency-based approach.
- 24 Nguyễn Thu Hiền:** Đổi mới hoạt động dạy học thông qua trải nghiệm và ứng dụng công nghệ nhằm phát huy tiềm năng, bồi dưỡng sự tự tin cho học sinh lớp một - Innovating teaching activities through experiential learning and technology integration to foster students' potential and self-confidence among first-grade students.
- 29 Chu Thị Thu Hà:** Quản trị truyền thông trường tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số - School communication governance in the context of digital transformation.
- 34 Vũ Nguyệt Hà:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI nhằm phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn học cho học sinh lớp 3 - Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống - Applying artificial intelligence to develop literary reading comprehension competence for third-grade students.
- 39 Nông Khánh Vy - Nguyễn Đức Danh:** Phát triển tính tự chủ cho trẻ 5-6 tuổi thông qua vận dụng mô hình học tập trải nghiệm của David Kolb - Developing autonomy in 5-6-year-old children through Kolb's experiential learning model.
- 44 Ngô Thị Hoài Thu:** Quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên dạy học môn Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực sáng tạo ở trường tiểu học - Managing teacher professional development for Vietnamese language teaching toward developing creative competence in primary schools.
- 49 Nguyễn Hân:** Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học thông qua hoạt động thực hành mỹ thuật - Developing self-learning skills for primary education students through art practice activities.
- 54 Phan Việt Hằng:** Khai thác một số phần mềm AI thiết kế video dạy học diện tích cho học sinh lớp 5 - Using AI software tools to design instructional videos on area for grade 5 students.
- 59 Quách Việt Tú:** Tích hợp văn hóa địa phương trong dạy học tập làm văn nhằm phát triển năng lực giao tiếp tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Integrating local culture in teaching, learning and writing in order to develop Vietnamese communication capacity for primary school students in the Mekong Delta.
- 63 Lưu Thị Lan Hương:** Vai trò của hiệu trưởng trong huy động các điều kiện hỗ trợ dạy học môn Tự nhiên và Xã hội theo hướng phát triển năng lực số cho học sinh tiểu học - The Role of Principals in Mobilizing Supportive Conditions for Teaching Natural and Social Sciences to Primary School Students.
- 68 Nguyễn Minh Anh:** Ứng dụng ngôn ngữ thị giác tranh dân gian Đông Hồ trong tái thiết kế minh họa sách giáo khoa phổ thông - Application of Dong Ho folk art visual language in the redesign of K-12 textbook illustrations.
- 73 Lê Thị Hoàng Yến:** Ưu thế của tiếng Hàn và sự mất cân bằng song ngữ trong hội nhập ngôn ngữ của trẻ em 9-14 tuổi thuộc gia đình đa văn hóa tại Hàn Quốc - Korean Dominance and Bilingual Imbalance in the Linguistic Integration of Children Aged 9-14 from Multicultural Families in South Korea.
- 77 Nguyễn Minh Trung - Phan Anh Vũ - Trần Mạnh Huy:** Chuẩn hóa học phần tiếng Hàn du lịch theo định hướng du lịch thông minh và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) - Standardization of the Korean for tourism course based on smart tourism principles and artificial intelligence (ai) applications.
- 82 Sào Mùi Lưu - Lương Văn Phước:** Thiết kế bộ câu hỏi đọc hiểu theo định hướng bài thi HSK đối với kiểm tra thường xuyên môn Đọc 3 nhằm nâng cao kỹ năng đọc cho sinh viên lớp Cao đẳng tiếng Trung Quốc K24 trường Cao đẳng Cao Bằng - Designing a set of reading comprehension questions according to the HSK test orientation for regular testing of Reading subject 3 to improve reading skills for students of K24 Chinese language college class at Cao Bang College.
- 87 Lê Thị Ha:** Students' perceptions of using AI and peer interaction in academic writing: a qualitative study.
- 93 Trần Thị Kim Loan:** Vai trò của trí tuệ nhân tạo và Moodle trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Trung 3 bậc đại học - The role of artificial intelligence and Moodle in teaching speaking skills in Chinese 3 at the tertiary level.
- 98 Phan Thị Thu:** Nâng cao năng lực biên dịch thương mại cho sinh viên ngành Tiếng Anh trong thời đại số - Thực trạng và giải pháp - Enhancing commercial translation competence for English-major students in the digital era: Situation and solutions.
- 103 Nguyễn Bạch Quỳnh Chi - Nguyễn Minh Huy - Trần Thụy Trúc Quỳnh:** Trí tuệ nhân tạo và bài tập về nhà trong giảng dạy ngoại ngữ: Tác động đối với hoạt động nhận thức và tự chủ học tập - Artificial intelligence and homework in foreign language teaching: Impacts on cognitive activity and learner autonomy.
- 108 Nguyễn Thị Tuyết Hòa:** Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh chuyên ngành tại Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số - Enhancing the quality of ESP instruction at Ho Chi Minh City Industry and Trade College in the context of digital transformation.
- 113 Trương Hoài Uyên:** Chiến lược đoán nghĩa từ vựng qua ngữ cảnh trong bài đọc IELTS Academic: Nghiên cứu sinh viên Sư phạm tiếng Anh tại UD-UFLS - Lexical inferring in IELTS Academic Reading: A study on ELT students at UD-UFLS.
- 118 Lê Minh Thanh:** Ứng dụng ChatGPT thúc đẩy dạy và học ở bậc đại học trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo - Application of ChatGPT in promoting teaching and learning process at higher education in the era of artificial intelligence.
- 123 Võ Hoàng Nam:** Phát triển tư duy phản biện cho sinh viên sư phạm nhằm nâng cao năng lực học tập và nghiên cứu ở Trường Đại học Khánh Hòa - Developing critical thinking for pedagogical students to enhance learning and research capacity at the University of Khanh Hoa.
- 128 Lưu Thị Thảo:** Phát triển hệ sinh thái giáo dục số tại các trường đại học ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - Developing a digital education ecosystem at universities in Vietnam in the current period.
- 133 Nguyễn Duy Thu Nguyệt - Phan Thị Cẩm Giang - Phạm Thị Thanh Huyền - Nguyễn Đăng Khoa Nguyễn - Phan Thị Mộng Tuyền:** Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội đến mức độ hạnh phúc của sinh viên đại học tại Việt Nam - The Impact of Social Media Use on University Students' Happiness in Vietnam.
- 138 Nguyễn Phương Bắc:** Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ đào tạo theo hình thức giảng dạy trực tuyến của hệ đào tạo từ xa tại các trường đại học tư thục - Evaluating student satisfaction with the quality of online teaching services in distance education programs at private universities.
- 143 Trần Thị Kiểm Thu:** Khung năng lực ICT dành cho giáo viên của UNESCO và một số giải pháp rèn luyện năng lực ICT cho sinh viên sư phạm Vật lý - The UNESCO ICT competency framework for teachers and strategies for developing ICT competencies in pre-service physics teachers.
- 148 Trịnh Minh Hiếu:** Một số giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn Lịch sử Việt Nam cho sinh viên Khoa Sư phạm Trường Đại học Bạc Liêu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 - Some solutions to improve the quality of teaching Vietnamese History for students at the Faculty of Education, Bac Lieu University in the context of the Fourth Industrial Revolution.

- 153 Nguyễn Phương Bắc:** Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hình ảnh thương hiệu các trường đại học ngoài công lập vùng Đồng bằng sông Hồng - Research on factors affecting the brand image of private universities in the Red River Delta region.
- 158 Phạm Văn Phi:** Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên tại các trường đại học ngoài công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng - Evaluating factors affecting students' learning motivation at private universities in Hai Phong city.
- 163 Tạ Thị Hằng:** Tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) đến khả năng nhận diện tin giả của sinh viên trên địa bàn Hà Nội - The Impact of Artificial Intelligence (AI) on Fake News Detection Ability among Students in Hanoi.
- 168 Vũ Thị Vân:** Trí tuệ cảm xúc trong rèn nghề của sinh viên sư phạm - Emotional intelligence in the professional training of student teachers.
- 173 Phạm Văn Phi:** Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên tại các trường đại học công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội - Factors affecting students' academic performance at public universities in Hanoi.
- 178 Phùng Thị Hương - Lù Thị Vân Anh:** Lan tỏa giá trị nông sản xanh từ các ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo của học sinh, sinh viên góp phần phát triển nông nghiệp bền vững của Trường Cao đẳng Sơn La trong giai đoạn hiện nay - Promoting the value of green agricultural products through innovative startup ideas of pupils and students to contribute to the sustainable agricultural development of Son La College in the current context.
- 182 Nguyễn Thị Minh Khai:** Dạy học hệ phương trình tuyến tính theo hướng mô hình hóa toán học cho sinh viên khối ngành kinh tế - Teaching systems of linear equations through mathematical modeling for economics students.
- 188 Đỗ Thị Thùy Linh - Lê Quang Hùng:** Thực trạng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên khoa sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên - Current status of extracurricular physical education activities of students from the faculty of education and pedagogy, Tay Nguyen university.
- 192 Phạm Thị Lâm Oanh:** Thiết kế mô hình sổ tay học tập số hỗ trợ phát triển ý tưởng cho sinh viên mỹ thuật số - Designing a digital learning notebook model to support idea development for digital art students.
- 197 Nguyễn Thị Hoài Thanh:** Vận dụng hoạt động học tập trải nghiệm trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế - Applying experiential learning activities in teaching Vietnamese to foreigners at the Faculty of Vietnamese Studies, University of Foreign Languages, Hue University.
- 202 Trần Đăng Kim Trang:** Giáo dục di sản thông qua âm nhạc dân tộc: Thực tiễn từ chương trình “Ca trù - Tinh hoa Việt” tại trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - Heritage education through traditional music: A case study of the program “Ca trù - The quintessence of Vietnam” at Ho Chi Minh City College of Culture and Arts.
- 207 Huỳnh Hữu Hiếu:** Nâng cao chất lượng học tập môn Bóng chuyền của sinh viên các trường đại học, cao đẳng: Thực trạng và giải pháp - Improving the quality of Volleyball learning for students at universities and colleges: Current situations and solutions.
- 212 Nguyễn Công Đại - Nguyễn Đức Huy:** Thực trạng quản lý công tác sinh viên tại các trường cao đẳng y dược trên địa bàn Thành phố Hà Nội - The current situation of student affairs management at medical and pharmacy colleges in hanoi city.
- 217 Phạm Thị Hạnh:** Giáo dục chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong bối cảnh hiện nay - Patriotism education based on Ho Chi Minh thought for students of Hanoi University of Natural Resources and Environment in the current context.
- 222 Trần Văn Thái:** Trao đổi về trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật cho người khuyết tật - Từ thực tiễn tỉnh Cà Mau - Discussion on legal aid through legal consultation for persons with disabilities - from the practice in Ca Mau province.
- 227 Lê Đức Khải:** Bảo đảm quyền im lặng của người bị buộc tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam - Ensuring the right to silence of criminal suspects and defendants during the criminal investigation stage in Vietnam.
- 232 Nguyễn Xuân Giang:** Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở lưu trú du lịch tại các phường Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng - Improving state management of fire safety and rescue for tourist accommodation establishments in Da Lat wards, Lam Dong province.
- 236 Trần Thị Bé Năm:** Một số nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa về tội phạm công nghệ cao trong hoàn cảnh tội phạm mới hiện nay - Causes and Preventive Measures for High-Tech Crime in the Context of Emerging Criminal Trends.
- 241 Nguyễn Đăng Hải Linh - Đào Thị Thu Hằng:** Hoàn thiện cơ chế hướng dẫn áp dụng pháp luật về nội dung hợp đồng theo Bộ luật Dân sự năm 2015 - Improving the legal guidance mechanism for the application of the law on contract contents under the 2015 Civil Code.
- 246 Ngô Minh Quyên - Nguyễn Thị Diễm Thúy:** Thiệt hại của hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp - Góc nhìn từ quyền lợi kinh tế, xã hội và văn hóa - Damages suffered by households and individuals upon the State's recovery of agricultural land: Economic, social and cultural perspectives.
- 251 Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Mạnh Hiếu - Nguyễn Hoàng Thu Nhi:** Kinh nghiệm của Trung Quốc về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động tố tụng: Từ mô hình “Tòa án thông minh” đến thực tiễn áp dụng - China's experience in applying artificial intelligence in litigation: From the “smart court” model to practical application.
- 225 Trần Xuân Lâm - Trần Văn Công:** Xử lý tài sản bảo đảm tại các tổ chức tín dụng theo pháp luật Việt Nam: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện - Handling of collateral at credit institutions under Vietnamese law: Current situation and solutions.
- 260 Trương Vĩnh Khang:** Chế định sở hữu tài sản trong Quốc triều hình luật thế kỷ XV và giá trị tham chiếu đối với pháp luật Việt Nam hiện nay - Property ownership regulations in the 15th century Criminal Dynasty and their reference value for contemporary Vietnamese law.
- 266 Bùi Thị Ngọc Hân:** Cải cách pháp luật ngân hàng sau Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 - Reforming Banking Law after the 2024 law on credit institutions.
- 271 Vũ Quốc Doanh - Nguyễn Văn Lý:** Những thuận lợi và khó khăn khi triển khai hồ sơ bệnh án điện tử ở Việt Nam - Advantages and difficulties in implementing electronic medical records in Vietnam.
- 276 Phạm Văn Huynh:** An toàn phòng cháy chữa cháy đối với các công trình ngầm, hầm ngầm - Fire safety and prevention for underground structures and tunnels.
- 279 Trần Thị Thanh Huyền:** Kiểm soát hành vi lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ nhằm hạn chế cạnh tranh trong nền kinh tế số tại Việt Nam - Controlling intellectual property misuse to restrict competition in the digital economy in Viet Nam.
- 284 Trần Linh Huân - Phạm Thị Hồng Tâm - Nguyễn Duy Dũng:** Pháp luật về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên: Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện - Law on environmental protection of natural heritage - current situation and recommendations for improvement.
- 289 Nguyễn Hoàng Chương:** Pháp luật về miễn, giảm trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển hàng không - Legal framework on exemption and reduction of liability for damages of air carriers.
- 294 Trần Linh Huân - Nguyễn Duy Dũng - Phạm Thị Hồng Tâm:** Pháp luật về bảo vệ môi trường đất - Thực trạng và một số kiến nghị - Law on soil environmental protection in Vietnam and recommendations for improvement.
- 299 Vũ Thanh Huyền - Nguyễn Danh Tuấn:** Kinh nghiệm xét xử trực tuyến theo pháp luật Trung Quốc và định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam - Online trials under Chinese law and recommendations for improving Vietnamese law.
- 304 Vu Minh Hieu:** Assessing education accreditor competence through peer-review model: an approach to inqaahe international standards and guidelines ISG 2025.

- 310 Văn Thị Thao Giang:** Quyền riêng tư của trẻ em nổi tiếng trên không gian mạng và vấn đề lao động trẻ em trong nền kinh tế sáng tạo - Privacy rights of child influencers in cyberspace and child labour issues in the creative economy.
- 315 Nguyễn Thị Thúy Triêm:** Chế định tín thác danh dự dành cho vật nuôi theo pháp luật Hoa Kỳ và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam - Honorary trusts for pets under United States law and lessons for Vietnam.
- 320 Hồ Xuân Thắng - Nguyễn Kim Ngân - Trương Hoàng Thy Phương:** Bàn về chế định phòng, chống công nghệ giả mạo bằng trí tuệ nhân tạo (deepfake) hiện nay ở nước ta - Discussion on the Current Legal Framework for the Prevention and Control of Artificial Intelligence-Based Deepfake Technology in Vietnam.
- 324 Phạm Chí Thắng:** Hoàn thiện khung pháp lý về phòng chống hàng giả, bảo vệ người tiêu dùng trong hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay - Improving the legal framework for combating counterfeit goods and protecting consumers in e-commerce activities in Vietnam in the current period.
- 329 Huỳnh Thị Cẩm Hồng:** Gợi mở hoàn thiện quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em trong mối quan hệ với quyền và trách nhiệm của cha mẹ - Recommendations for perfecting children's right to privacy in relation to parents' rights and responsibilities.
- 334 Võ Thanh Tùng:** Phản bác luận điểm của các thế lực thù địch: "Quan hệ giữa tôn giáo với chủ nghĩa xã hội là quan hệ một mất một còn" - Refuting the argument of hostile forces: "The relationship between religion and socialism is a life-and-death relationship".
- 339 Hà Lê Bảo Thi:** Hợp tác tiểu đa phương tại khu vực Đông Nam Á - Minilateral cooperation in Southeast Asia Region.
- 344 Nguyễn Minh Khôi:** Nâng cao hiệu quả phòng, chống ma túy "núp bóng" trong học đường - Improving the effectiveness of preventing and combating "drugs hidden in the guise" in schools.
- 348 Nguyễn Tư Lương:** Phát triển nguồn nhân lực du lịch thông minh tại Việt Nam trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số - Developing human resources for smart tourism in vietnam in the context of artificial intelligence and digital transformation.
- 353 Trịnh Văn Tài:** Chuyển đổi số trong doanh nghiệp tại tỉnh Đắk Lắk - Digital transformation in enterprises in Dak Lak province.
- 358 Nguyễn Tư Lương:** Phát triển du lịch Net Zero tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi xanh: Tiếp cận và hàm ý chính sách - Developing Net Zero tourism in vietnam under the green transition context: approaches and policy implications.
- 363 Đinh Anh Tuấn:** Nhân viên công tác xã hội với vai trò người biện hộ đối với cộng đồng LGBT tại Việt Nam - Social workers as advocates for the LGBT community in Viet Nam.
- 368 Nguyễn Công Thành - Nguyễn Doãn Thuận:** Luận về thời gian hình thành Vương triều Tây Sơn - On the formation of the Tay Son dynasty.
- 374 Trần Thị Song La:** Thông tin về nghệ thuật truyền thống trên báo mạng điện tử địa phương phía Bắc Việt Nam hiện nay - Traditional arts coverage in local online newspapers in northern Vietnam today.
- 379 Trần Thị Tuyết - Nguyễn Thị Thanh Huyền:** Thông điệp chính sách phát triển du lịch văn hoá trên báo điện tử: trường hợp thành phố Đà Nẵng - Cultural tourism policy message on news media: the case of Da Nang.
- 384 Phạm Thị Thu Hào:** Infographic trên báo điện tử Việt Nam dưới góc nhìn tiếp nhận của công chúng - Infographic on Vietnamese online newspapers from the perspective of audience reception.
- 389 Nguyễn Thị Thùy Linh:** Xu hướng "Biophilic Design" và vai trò của cây xanh trong thiết kế nội thất nhà ở - "Biophilic design" trends and the role of greenery in residential interior design.
- 394 Ngô Thị Thu Hương:** Lịch sử phát triển của thiết kế ghế Trung Hoa từ cổ đại đến giữa thế kỷ XVIII (trước Cách mạng Công nghiệp) - The evolution of chair design in history: function and materials from antiquity to the mid-18th century (pre-industrial era).
- 399 Nguyen Minh Phuoc:** Musical characteristics of songs in the Du Ke theatre of the Khmer people in Tra Vinh.
- 404 Hồng Quang Minh:** Kịch về giới tính và sự biến đổi trên sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay - Gender-themed drama and its transformation on Ho Chi Minh City stage today.
- 408 Nguyễn Văn Hiệp:** Kiến tạo địa điểm từ nguồn lực văn hóa, nghệ thuật và sáng tạo: Kinh nghiệm quốc tế và trường hợp phố đi bộ Nguyễn Huệ tại Việt Nam - Creative placemaking leveraging cultural and artistic resources: International experiences and the case of Nguyen Hue pedestrian street in Vietnam.
- 414 Ngô Trần Đức Tâm:** Múa rối nước Việt Nam một di sản văn hóa phi vật thể: Nội hàm văn hóa, cơ chế truyền thừa và giá trị truyền bá xuyên văn hóa - The intangible cultural heritage of Vietnamese water puppetry: Cultural connotations, transmission mechanisms, and cross-cultural communication value.
- 419 Nguyễn Trung Hiếu - Đặng Đăng Thư:** Thiết lập hoạt động du lịch cộng đồng vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang gắn với tri thức dân gian của người Khmer - Establishing community-based tourism in the Bay Nui region, An Giang province, linked to the folk knowledge of the Khmer people.
- 424 Đồng Thị Hường:** Cây dừa nước với sinh kế và bản sắc văn hóa của cư dân người Việt Tây Nam Bộ - Nipa palm in the livelihood and cultural identity of the Vietnamese residents in the southwest region of Vietnam.
- 428 Huỳnh Chi - Trần Thị Bảo Ngọc:** Phát huy vai trò văn hoá trong phát triển du lịch: Trường hợp di tích lịch sử và thắng cảnh Ba Hòn - Promoting the role of culture in tourism development: The case of the Ba Hòn historical site and scenic area.
- 433 Huỳnh Thị Minh Hạ:** Tiếp cận thực địa trong giáo dục mỹ thuật: Một nghiên cứu tại Tháp Bà Ponagar, Khánh Hòa - Field-based approach in art education: A study at Po Nagar Cham towers, Khanh Hoa.
- 438 Nguyễn Thị Hiện:** Hợp tác giữa nghệ nhân và nhà thiết kế đương đại để tái sử dụng phế liệu, vật liệu tơ sen trong thiết kế xanh, thiết kế tuần hoàn hiện nay: Nghiên cứu thực nghiệm trên sản phẩm áo dài từ nguồn sen Đồng Tháp - Collaboration between artisans and contemporary designers in reusing local waste as green and circular design materials from lotus fiber: Experimental research on ao dai products from Dong Thap lotus resources.
- 442 Trần Đăng Kim Trang:** Hòa hợp Nhị Tiên trong tín ngưỡng dân gian người Hoa - Biểu tượng văn hóa của sự hòa thuận, tài lộc và đạo đức kinh doanh - The He-He Er Xian in Chinese folk beliefs: A cultural symbol of harmony, prosperity, and business ethics.
- 447 Đoàn Minh Hậu - Danh Tuấn Minh:** Hình tượng con người hiện sinh qua nghệ thuật ngôn từ trong tiểu thuyết Những Ngã tư và những cột đèn của nhà văn Trần Dần - The image of existential human beings through the art of language in the novel "The Intersections and the Lamp-posts" by writer Tran Dan.
- 452 Nguyễn Thị Lê Nin:** Không gian nghệ thuật trong Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi - The artistic space in Nguyen Trai's Quoc am thi tap.
- 457 Lê Thị Hà:** Ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong đào tạo kỹ thuật công trình giao thông: Phát triển năng lực người học thông qua phân tích không gian - Application of Geographic Information Systems (GIS) in transportation engineering education: Developing competencies through spatial analysis.
- 461 Nguyễn Thị Thúy Hằng:** Thử nghiệm mô hình trồng lúa sử dụng phân hữu cơ bón gốc kết hợp kỹ thuật cắt lá trên lúa tím Thảo Cầm vụ Đông Xuân năm 2026 tại xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau - Experimental model of purple brocade rice cultivation using organic basal fertilizer combined with leaf-pruning techniques during the Winter-Spring crop season of 2026 in Hoa Binh commune, Ca Mau province.
- 465 Nguyễn Thị Thanh Hòa - Phạm Thị Kim Huệ - Nguyễn Văn Quyết - Vũ Minh Hiếu:** Thiết kế hệ thống điều khiển và giám sát cho dây chuyền tự động phân loại sản phẩm theo mã QR code - Design of a control and monitoring system for an automated product sorting line based on QR codes.
- 470 Nguyễn Thị Phương:** Nghiên cứu các mô hình lai VAR-Neural Network cho bài toán dự báo chuỗi thời gian đa biến - Research on hybrid VAR-Neural Network models for multivariate time series forecasting.
- 476 Bùi Bá Mạnh:** Bài toán phủ đĩa tròn và ứng dụng - The circular disk covering problem and its applications.

VẬN DỤNG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI KHOA VIỆT NAM HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

NGUYỄN THỊ HOÀI THANH
Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận bài ngày 26/4/2026. Sửa chữa xong 05/6/2026. Duyệt đăng 05/6/2026.

Abstract

In recent years, experiential learning has become a positive educational trend, significantly contributing to the optimization of the learning process and the improvement of training quality. In this article, based on the theoretical foundation of experiential learning theory, we examine and generalize the application of experiential learning activities in teaching Vietnamese to foreigners at the Faculty of Vietnamese Studies, University of Foreign Languages, Hue University. From this, several solutions are proposed to enhance the effectiveness and quality of Vietnamese language education for foreign learners.

Keywords: experiential learning, teaching, Vietnamese, foreigners

1. Đặt vấn đề

Tại khoa Việt Nam học, Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế, Tiếng Việt được giảng dạy như một ngoại ngữ với chương trình đào tạo đa dạng. Từ khi thành lập (năm 2010) đến nay, đã có rất nhiều đối tượng học viên là người nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại khoa. Ở giai đoạn đầu, đối tượng học chủ yếu là học viên người Trung Quốc và Lào. Càng về sau đối tượng học ngày càng được mở rộng, có nhiều học viên đến từ nhiều quốc gia khác nhau như Nhật, Mỹ, Thái Lan, Ấn Độ ... Trong nhiều năm trở lại đây, các học viên nước ngoài đến với khoa Việt Nam học không chỉ có nhu cầu học Tiếng Việt mà còn có mong muốn tìm hiểu về bản sắc văn hoá địa phương. Một trong số những yêu cầu của các học viên nước ngoài trong chương trình đào tạo là tìm hiểu về bản sắc văn hoá địa phương, có nhiều hoạt động trải nghiệm thực tế kết hợp với việc học tiếng Việt. Chính vì vậy, việc xây dựng, lồng ghép các hoạt động trải nghiệm văn hoá địa phương vào chương trình giảng dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài là một hoạt động thiết thực, đem lại hiệu quả và mang tính cạnh tranh cao.

2. Lý thuyết học tập trải nghiệm

Có thể thấy, tư tưởng giáo dục về việc học thông qua thực hành, trải nghiệm thực tiễn đã được mạnh mẽ xuất hiện từ rất sớm, trong các quan điểm giáo dục của các triết gia phương Đông và phương Tây. Các nhà tâm lý học, giáo dục học, triết học đã nghiên cứu về vai trò của trải nghiệm đối với giáo dục ở những góc độ khác nhau. Có thể nhắc tới “quan điểm về phương pháp giáo dục coi trọng thực hành, vận dụng” của Khổng Tử (551-479 TCN); “Quan điểm về dạy học phải đảm bảo mối liên hệ với đời sống, giáo dục thông qua trò chơi, hoạt động ngoài lớp, ngoài thiên nhiên” của J.A Cômênxki; Học thuyết giáo dục của Mác - Ăngghen và Lênin về “giáo dục kĩ thuật tổng hợp và giáo dục kết hợp với lao động sản xuất”; Con đường nhận thức biện chứng của Lênin. . . Các nhà khoa học phương Tây như John Dewey, David Kolb, Jean Piaget và Lev Vygotsky cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu về các hoạt động học tập trải nghiệm [1]. Học tập trải nghiệm (experiential learning) là một hướng dạy và học giúp người học tự chiếm lĩnh kiến thức để hình thành năng lực cho bản thân thông qua trải nghiệm thực tế và tương tác trực tiếp với môi trường học

Email: nththanh@hueuni.edu.vn

tập. Hướng dạy học này yêu cầu người học tham gia tích cực, chủ động tìm hiểu, khám phá và áp dụng kiến thức vào những tình huống thực tế, từ đó hình thành kĩ năng và nhận thức sâu sắc hơn về chủ đề học tập [6]. Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Liên (2025), tác giả đã trích dẫn nhiều khái niệm về học tập trải nghiệm của các nhà nghiên cứu trên thế giới. Cụ thể như: Theo Boreham (1987), học tập trải nghiệm là học tập bằng cách phản ánh về những kinh nghiệm mà con người đã trải qua. Theo UNESCO (2010), học tập trải nghiệm là quá trình phát triển kiến thức, kỹ năng, và thái độ dựa trên suy nghĩ có ý thức về một trải nghiệm từng có. Học tập trải nghiệm, theo Colin Beard (2013) là một quá trình tri nhận liên quan đến trải nghiệm có ý nghĩa, ở các mức độ phong phú, đóng vai trò như là nguồn gốc của học tập. Những trải nghiệm này nhúng vào một cách tích cực và gắn kết một cách chủ động thế giới bên trong người học, như một con người chính thể với thế giới môi trường học tập bên ngoài phức tạp của họ để tạo nên các trải nghiệm giàu có, đáng nhớ cho việc học tập. [2, tr. 39] Tuy cách phát biểu có những điểm khác nhau nhưng nhìn chung các nhà nghiên cứu đều khẳng định học tập trải nghiệm là một quá trình gồm 3 yếu tố căn bản. Đó là chủ động trải nghiệm, tích lũy kinh nghiệm và kiến tạo tri thức. Trong hoạt động dạy và học, đây là một phương pháp có hiệu quả và mang lại nhiều giá trị tích cực. Với hình thức dạy học ngoài thực tế là chủ yếu, hoạt động học tập trải nghiệm có vai trò làm tăng tính hấp dẫn trong học tập. Thông qua các hoạt động giáo dục này, người học được rèn luyện các phẩm chất và năng lực cần thiết như khả năng tổ chức hoạt động, tư duy phản biện, làm việc nhóm và định hướng nghề nghiệp. Đây là cơ hội để người học có thể tiếp cận thực tế, khai thác kinh nghiệm sẵn có và huy động kiến thức từ nhiều môn học khác nhau để giải quyết các vấn đề trong đời sống. Từ đó, không chỉ giúp người học làm giàu vốn sống mà còn chuyển hóa những trải nghiệm cá nhân thành tri thức và kỹ năng mới, giúp các em sẵn sàng đối mặt với những thách thức của môi trường sống và nghề nghiệp tương lai.

3. Vận dụng hoạt động học tập trải nghiệm vào việc xây dựng khung chương trình đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Hiện nay, chương trình đào tạo tiếng Việt tại khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế khá đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội cũng như nhu cầu của người học. Bên cạnh các chương trình dài hạn như chương trình cử nhân Việt Nam (4 năm), chương trình 1+3, Khoa còn xây dựng thêm nhiều đề án và chương trình giảng dạy ngắn hạn và trung hạn. Nắm bắt được nhu cầu và tâm lý của người học cũng như nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, khoa Việt Nam học, Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế thường xuyên cập nhật chương trình đào tạo để phù hợp với xu thế và nhu cầu của người học. Việc vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm vào xây dựng khung chương trình đào tạo luôn được Khoa quan tâm. Các chương trình đào tạo Tiếng Việt cho người nước ngoài được thiết kế theo hướng tăng cường các hoạt động thực hành, thực tế, trải nghiệm văn hoá địa phương. Cụ thể:

Đối với các chương trình đào tạo dài hạn: mục tiêu đào tạo là đào tạo cử nhân ngành Tiếng Việt cho người nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ về Tiếng Việt, phục vụ cho các trung tâm nghiên cứu và đào tạo Tiếng Việt, cơ quan ngoại giao nước ngoài, các tổ chức về văn hoá, giáo dục, du lịch, các văn phòng đầu tư nước ngoài,... Về mặt kiến thức chuyên môn: cung cấp các kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và thiết thực về Tiếng Việt nhằm giúp sinh viên người nước ngoài sau khi tốt nghiệp có khả năng nghiên cứu và giảng dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài, có khả năng đối chiếu ngôn ngữ, biên – phiên dịch, hợp tác ngoại giao,... Thời gian đào tạo từ 3-4 năm. Trong chương trình đào tạo, bên cạnh các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, Khoa cũng đã xây dựng các học phần Thực tế và Thực tập (5 tín chỉ) để người học có cơ hội trải nghiệm tìm hiểu về đất nước, văn hoá và con người Việt Nam [5].

Đối với chương trình đào tạo hệ 1 năm (thời gian 10-12 tháng) với mục tiêu đào tạo người học có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Việt đạt đến bậc 4/6 (tương đương trình độ B2) trong Khung năng lực tiếng Việt 6 bậc dành cho người nước ngoài do Bộ GD&ĐT quy định; có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hoá, du lịch Việt Nam; có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để tiếp tục tự học, tham gia chương trình đào tạo đại học và sau đại học ở Việt Nam theo quy định hoặc ở bậc học cao hơn trong các lĩnh vực như biên phiên dịch, quản trị văn phòng, ngoại giao; tích lũy phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng

để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Với tổng số tín chỉ là 32 bao gồm các khối kiến thức về tiếng Việt cơ bản, kiến thức về tiếng Việt chuyên ngành, kiến thức về văn hoá, du lịch Việt Nam. Các hoạt động học tập trải nghiệm được lồng ghép trong rất nhiều học phần như: Study tours tìm hiểu di sản miền Trung (2 tín chỉ), Study tours tìm hiểu văn hoá Huế (2 tín chỉ), Thực tế ngôn ngữ và văn hoá 1,2 (2 tín chỉ), Thực tế ngôn ngữ và văn hoá 3,4 (2 tín chỉ), Tiếng Việt chuyên ngành văn hoá (2 tín chỉ), Tiếng Việt chuyên ngành văn hoá (2 tín chỉ), Địa danh lịch sử - văn hoá Việt Nam (2 tín chỉ), Văn hoá Huế (2 tín chỉ),... [5]

Đối với các chương trình đào tạo ngắn hạn (từ 3-5 tháng), với tổng số tín chỉ đào tạo là 16 nhưng Khoa cũng đã cố gắng lồng ghép, xây dựng các học phần trải nghiệm như Thực tế ngôn ngữ và văn hoá 1,2 (2 tín chỉ) và Thực tế ngôn ngữ và văn hoá 3,4 (2 tín chỉ) vào chương trình đào tạo. [5]

Thông qua việc xây dựng chương trình đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài tại Khoa Việt Nam học có thể thấy Khoa rất quan tâm đến việc lồng ghép các hoạt động học tập trải nghiệm cho người nước ngoài khi đến học tập và nghiên cứu tại Khoa. Cách tiếp cận này, người học có rất nhiều cơ hội tham gia tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế, giúp người học phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt một cách tự nhiên và hiệu quả. Thông qua các học phần trải nghiệm thực tế có trong chương trình đào tạo nêu trên giúp người học có cơ hội vận dụng kiến thức ngôn ngữ vào những tình huống cụ thể, tăng khả năng ghi nhớ và phản xạ trong giao tiếp, góp phần nâng cao hứng thú học tập, phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng tự học của người học. Đồng thời, các học phần này phần nào giúp người nước ngoài hiểu sâu hơn về văn hóa, con người và đất nước Việt Nam.

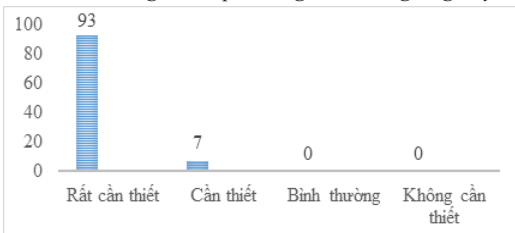
4. Vận dụng hoạt động học tập trải nghiệm vào thực tiễn giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Để có kết quả xác thực cho việc nghiên cứu về thực trạng vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm vào thực tiễn giảng dạy, chúng tôi đã tiến hành phát phiếu điều tra kết hợp phỏng vấn sâu với đối tượng là 14 giảng viên Khoa Việt Nam học. Đây là toàn bộ đội ngũ cán bộ giảng dạy của Khoa, có kinh nghiệm giảng dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài từ 10 năm trở lên. Qua điều tra, về phía giảng viên, kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả các giảng viên đều nhận thức rất rõ về tầm quan trọng của việc vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Hơn 90% giảng viên được điều tra đều cho rằng việc vận dụng lồng ghép các hoạt động học tập trải nghiệm vào giảng dạy tiếng Việt là rất cần thiết.

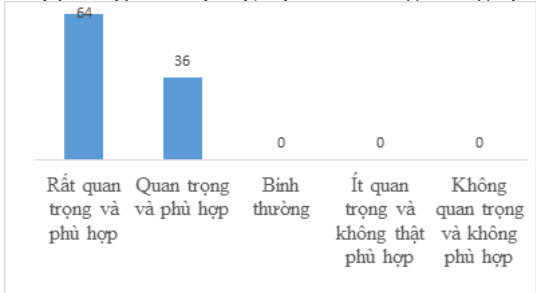
Quả thật, việc vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm trong quá trình giảng dạy là một xu hướng dạy học phổ biến và được phần lớn các giảng viên quan tâm, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy học. Kết quả khảo sát đánh giá của giảng viên về tầm quan trọng và sự phù hợp của việc vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm vào giảng dạy cho thấy:

Có 64% giảng viên đánh giá việc vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm vào quá trình giảng dạy là rất quan trọng và phù hợp, 36% đánh giá ở mức quan trọng và phù hợp, không có ý kiến đánh giá ở mức bình thường, ít quan trọng và không quan trọng. Điều đó cho thấy, các giảng viên Khoa Việt Nam học đánh giá rất cao về tầm quan trọng và sự phù hợp của việc dạy học theo hướng trải nghiệm. Vì thế, các giảng viên thường xuyên lồng ghép, vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm vào các tiết học, tùy theo yêu cầu và

Biểu đồ 1. Đánh giá của giảng viên về việc vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm vào giảng dạy



Biểu đồ 2. Đánh giá của giảng viên về tầm quan trọng và sự phù hợp của việc dạy học theo hướng trải nghiệm



mục đích của từng học phần. Theo kết quả khảo sát về mức độ thường xuyên vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm vào quá trình giảng dạy của các giảng viên trong Khoa, có 9 ý kiến đánh giá ở mức rất thường xuyên, 3 ý kiến đánh giá ở mức thường xuyên, 2 ý kiến đánh giá ở mức thỉnh thoảng và 0 ý kiến đánh giá ở mức hiếm khi.

Khi được khảo sát về vai trò, ý nghĩa của việc vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm vào quá trình giảng dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài, phần lớn giảng viên đồng ý với các kiến: hoạt động học tập trải nghiệm giúp người học nhớ, hiểu và có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn; giúp người học hiểu rõ hơn về văn hoá địa phương; giúp người học nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ; giúp người học thích nghi nhanh với môi trường sống mới.

Qua biểu đồ trên cho thấy, phần lớn các giảng viên đều nhận thức được vai trò và tính hiệu quả của việc lồng ghép các hoạt động học tập trải nghiệm vào quá trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Đây là cơ sở để cho người dạy có động lực xây dựng, lồng ghép và sử dụng nhiều hoạt động học tập trải nghiệm vào quá trình dạy học của mình.

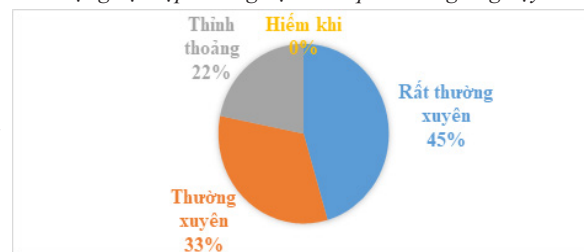
Kết quả khảo sát về các hình thức dạy học trải nghiệm trong quá trình giảng dạy như sau.

Theo kết quả khảo sát cũng như những chia sẻ của các giảng viên trong quá trình phỏng vấn sâu, hầu hết các giảng viên Khoa Việt Nam học trong quá trình giảng dạy, tùy thuộc vào các học phần thuộc khối kiến thức thực hành tiếng Nghe – Nói – Đọc – Viết hay khối kiến thức chuyên ngành Văn hóa, Du lịch, Ngôn ngữ đều vận dụng và kết hợp nhiều hoạt động học tập trải nghiệm để đem lại sự hứng khởi cho người học cũng như nâng cao chất lượng của từng tiết học, từng buổi học. Trong các tiết học ở trên lớp, các phương pháp dạy học mang tính trải nghiệm như đóng vai, tranh luận, dạy học theo dự án, tổ chức lồng ghép các trò chơi học tập,... được giảng viên sử dụng và khai thác có hiệu quả. Bên cạnh đó, các hoạt động học tập trải nghiệm thông qua tranh ảnh, qua phim, video được các thầy cô sử dụng rất thường xuyên. Các hoạt động trải nghiệm ngoài không gian lớp học như tham quan thực tế các di tích lịch sử, văn hóa, trải nghiệm ẩm thực hay tham gia trải nghiệm các sinh hoạt cộng đồng của người dân địa phương cũng được các thầy cô sử dụng. Đặc biệt là các học phần chuyên ngành Du lịch, Văn hóa.

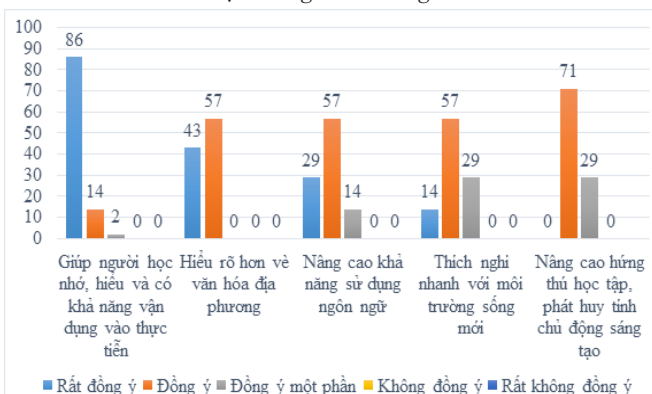
5. Một số lưu ý khi vận dụng hoạt động học tập trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài

Vận dụng hoạt động học tập trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài cần lưu ý một số vấn đề sau:

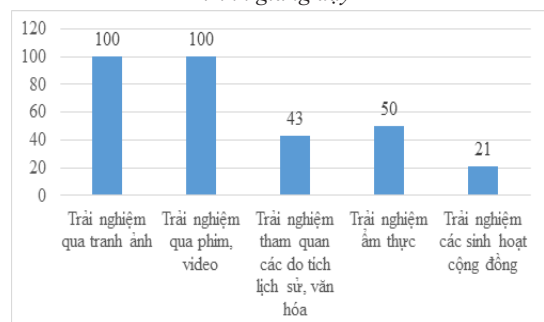
Biểu đồ 3. Khảo sát mức độ thường xuyên vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm vào quá trình giảng dạy



Biểu đồ 4. Đánh giá của giảng viên về vai trò, ý nghĩa của việc vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm vào quá trình giảng dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài



Biểu đồ 5: Các hình thức dạy học trải nghiệm trong quá trình giảng dạy



Đối với người dạy: Giảng viên luôn phải giữ vai trò là người định hướng, trong quá trình giảng dạy lấy thực hành làm trọng tâm để người học chủ động, tích cực sử dụng ngôn ngữ; tạo ra những hoạt động trải nghiệm thích hợp với học phần mình giảng dạy. Các hoạt động học tập trải nghiệm cần được thiết kế từ đơn giản đến phức tạp, gắn với những bài học cụ thể để người học tham gia. Đồng thời, người dạy cần đóng vai trò là người hướng dẫn, hỗ trợ và tạo những giao tiếp tích cực nhằm khuyến khích người học chủ động tham gia trải nghiệm. Tuy nhiên, người dạy cũng cần lường trước những vấn đề phát sinh trong quá trình vận dụng mô hình học tập này, bao gồm các rủi ro, từ đó rút kinh nghiệm và dần hoàn thiện khả năng tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm cho người học.

Đối với người học: Trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập trải nghiệm, người học phải luôn có tâm thế sẵn sàng, tích cực tham gia vào quá trình trải nghiệm. Bên cạnh đó, người học cần chủ động giao tiếp, mạnh dạn sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong các tình huống thực tế, không ngại khó, không sợ sai. Người học cũng cần thường xuyên bộc lộ suy nghĩ, quan điểm cá nhân về nội dung học tập, sẵn sàng chia sẻ với giảng viên và bạn học, tích cực chủ động tương tác trong quá trình trải nghiệm, kiến tạo tri thức mới.

Để việc vận dụng các hoạt động học tập trải nghiệm vào quá trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài đạt hiệu quả cao, chúng tôi gợi ý một số biện pháp để có thể thu hút, lôi cuốn người học chủ động, tích cực tham gia như:

- Thiết kế, lựa chọn các hoạt động học tập trải nghiệm một cách sinh động, đa dạng, phù hợp với nguyện vọng và nhu cầu của người học.
- Thu hút người học vào các hoạt động thực tế như tham gia vào các lễ hội địa phương, tham quan các di tích lịch sử, văn hoá, thực hành giao tiếp với cư dân bản địa, trải nghiệm ẩm thực, trải nghiệm văn hoá sinh hoạt cộng đồng cùng với người dân địa phương,...
- Khuyến khích người học chiêm nghiệm, suy ngẫm và rút ra những bài học có ý nghĩa cho mình.
- Khuyến khích người học chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm của mình,...

6. Kết luận

Học tập trải nghiệm là một phương pháp học tập tích cực và hiệu quả. Vận dụng hoạt động học tập trải nghiệm trong quá trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài là một hướng dạy học tích cực và hiện đại, phù hợp với yêu cầu và xu hướng đào tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế. Để nâng cao hiệu quả của việc vận dụng mô hình học tập này trong quá trình giảng dạy cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như: chuẩn hoá chương trình đào tạo; đẩy mạnh phương pháp dạy học theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm; có sự kết hợp, chia sẻ, đồng thuận giữa người dạy và người học;... Với sự vận dụng linh hoạt, chủ động, sáng tạo các phương pháp dạy học tích cực vào quá trình giảng dạy góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Hằng (2017). *Lý thuyết học tập trải nghiệm – Những vấn đề lý luận cơ bản và định hướng vận dụng vào tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo*. Tạp chí khoa học giáo dục VN.
- Nguyễn Thị Liên (2025). *Vận dụng lý thuyết HTTN vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học nước ngoài ở trường THCS*. Luận án tiến sĩ giáo dục. Trường ĐH Hồng Đức.
- Đỗ Ngọc Thống (2015). *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo – kinh nghiệm quốc tế và vấn đề của Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 115, trang 13-16
- Nguyễn Thị Hoài Thanh (2022). *Khảo sát nhận thức và thái độ của sinh viên năm thứ hai về việc lồng ghép trò chơi vào quá trình dạy và học học phần Cơ sở Văn hoá Việt Nam tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế*. Đề tài KHCN cấp cơ sở. Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHH.
- Khoa Việt Nam học (2023). *Khung chương trình đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài (cập nhật)*. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.
- Hà Thu Thuỷ (2023). *Học tập trải nghiệm và vận dụng mô hình học tập trải nghiệm trong đào tạo năng lực dạy học tiếng Việt cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học*. Số 79/ tháng 12/2023. Tạp chí khoa học giáo dục VN.